

Bản án số 40/2022/HS-ST
Ngày 20/09/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huế

Ông Nông Văn Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuần - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Mã Hùng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2022 đối với:

Bị cáo **Trương Ngọc H**, sinh ngày 19 tháng 02 năm 1986

Nơi sinh: Thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 4 BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông Trương Ngọc Q, sinh năm 1956 và bà Chung Thị T, sinh năm 1962; Vợ Vũ Thị Q, sinh năm 1990; Con: 01 (Một) con, sinh năm 2012.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 01/6/2022 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại:* Ông Sần Dùn P, sinh năm 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm NL, xã VQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Chung Thị T, sinh năm 1962; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 4 BT, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận đơn trình báo của ông Sần Dùn P, sinh năm 1973 trú tại: Xóm NL, xã VQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng tố giác Trương Ngọc H là cán bộ tín dụng tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Số tiền này là tiền ông P đặt cọc mua mảnh đất tại tổ dân phố N, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng với ông H. Khi nhận tiền đặt cọc, ông P và ông H thỏa thuận: Sau 03 (Ba) tháng nếu H không chuyển nhượng mảnh đất này cho ông P thì sẽ phải bồi thường số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), nếu sau 03 (Ba) tháng ông P không mua mảnh đất trên thì sẽ mất 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền đặt cọc. Tuy nhiên, đến thời điểm thỏa thuận mua đất, ông P nhiều lần liên lạc với H nhưng không liên lạc được, không biết H đang ở đâu, làm công việc gì. Quá trình đặt cọc tiền ông P có quay video làm chứng cứ và viết giấy đặt cọc, ông đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác chứng minh làm rõ vụ việc.

Sau khi tiếp nhận đơn tố giác của ông Sần Dùn P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã thực hiện các thủ tục xác minh. Qua điều tra xác minh được từ tháng 11/2020 đến tháng 6/2021 Trương Ngọc H làm cán bộ tín dụng tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Ngày 16/6/2021 H nhận Quyết định chuyển công tác đến ngân hàng Agribank chi nhánh NQH, tỉnh Cao Bằng với vị trí nhân viên bảo vệ. Từ ngày 29/6/2021 đến ngày 09/8/2021 H được lãnh đạo ngân hàng Agribank chi nhánh NQH giải quyết nghỉ không hưởng lương để giải quyết công việc cá nhân. Từ khi nghỉ đến thời điểm cơ quan điều tra xác minh, H không đi làm trở lại, không biết H đi đâu, làm gì. Căn cứ trên những tài liệu thu thập được, ngày 23/12/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc đã tiến hành khởi tố vụ án hình sự về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đã ra thông báo triệu tập, truy tìm H để làm rõ sự việc nhưng không có kết quả nên đến ngày 24/4/2022 đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án. Đến ngày 27/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc tiến hành làm việc và lấy lời khai đối với Trương Ngọc H, quá trình làm việc H thừa nhận đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) của ông Sần Dùn P.

Căn cứ trên những chứng cứ, tài liệu thu thập được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành phục hồi điều tra vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trương Ngọc H.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa H thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) của ông P như sau:

Từ tháng 11/2020, H được điều chuyển đến công tác tại Ngân hàng Agribank chi nhánh BL, Cao Bằng làm nhân viên tín dụng. Đến tháng 5/2021 H được trực tiếp nhận hồ sơ thế chấp tài sản là mảnh đất thuộc tổ dân phố N, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng của ông Sầm Văn Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu H, xã VT, huyện NS, tỉnh Bắc Kạn. Ông Đ có nhờ H bán toàn bộ mảnh đất có diện tích hơn 300m² (Ba trăm mét vuông) tại tổ dân phố N, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng với giá 1.500.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), việc nhờ H bán mảnh đất trên chỉ thông qua bằng lời nói, không có văn bản ủy quyền. Theo như thỏa thuận khi có người hỏi mua đất thì H phải thông báo cho ông Đ biết để ông Đ trực tiếp trao đổi, thống nhất giá và làm các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng đất với người mua. H rao bán mảnh đất trên cho ông Đ qua mạng xã hội Zalo và cấm biển bán đất ghi nội dung: "Bán đất, liên hệ H, số điện thoại: 0986.181.902, 0919.961.902". Đầu tháng 5/2021 ông Sầm Dùn P liên hệ, trao đổi với H để mua mảnh đất của ông Đ qua số điện thoại di động, nhưng H không báo cho ông Đ biết. H đã tự ý thỏa thuận bán một nửa diện tích mảnh đất của ông Đ cho ông P với số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 11/5/2021, ông P và vợ là bà Chảo Mùi C được H dẫn đi xem đất tại tổ dân phố N, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng sau đó về nơi ở của H tại tổ dân phố M, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Tại đây, ông P đưa cho H số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đặt cọc để mua một nửa diện tích mảnh đất của ông Đ thuộc tổ dân phố N, thị trấn BL và viết giấy tờ về việc đặt cọc. Sau khi nhận số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) từ ông P, H sử dụng cho mục đích cá nhân và không thực hiện theo thỏa thuận. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng), trong đó: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) là tiền phạt đặt cọc và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là chi phí đi lại.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị hại ông Sầm Dùn P trình bày: Ông và H không có quan hệ họ hàng, không quen biết từ trước. Khoảng tháng 5/2021, ông có gọi điện liên hệ với H để hỏi mua mảnh đất thuộc tổ dân phố N, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Qua trao đổi, thống nhất H đồng ý bán một nửa mảnh đất cho ông P với giá 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 11/5/2021 H đưa ông và vợ của ông là bà Chảo Mùi C đi xem đất, sau đó về nhà thuê của H tại tổ dân phố M, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng để đặt cọc số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Quá trình đặt cọc mua đất giữa ông và H có làm giấy tờ thỏa thuận nếu trong vòng 03 (Ba) tháng ông P không mua mảnh đất trên thì sẽ mất 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền đặt cọc cho H, nếu trong vòng 03 (Ba) tháng H không bán mảnh đất trên cho ông P thì sẽ phải hoàn trả lại số tiền đã đặt cọc và bồi thường phạt cọc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tổng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Tuy nhiên từ khi đưa tiền đặt cọc mua đất đến thời điểm làm thủ tục mua bán mảnh đất theo thỏa thuận thì ông không liên lạc được với H nên

ông đã làm đơn tố giác đến Cơ quan Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Trong quá trình điều tra, mẹ của H là bà Chung Thị T đã trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tại phiên tòa, ông yêu cầu H thanh toán cho ông số tiền phạt cọc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và các chi phí đi lại là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị T trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo H. H không thường xuyên liên lạc với gia đình và cũng ít về nhà. Bà không biết việc H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) của ông Sần Dùn P. Khi Công an huyện Bảo Lạc đến gặp bà làm việc để tìm hiểu thông tin về H bà mới biết sự việc trên. Sau đó đến khoảng tháng 10/2021, bà chủ động trực tiếp gặp và trả lại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho ông Phin, quá trình giao nhận tiền có làm giấy thỏa thuận giữa hai bên. Việc trả lại số tiền đặt cọc mua đất cho ông P là do bà tự nguyện trả, thời điểm bà trả lại tiền H không biết đến việc này. Tại phiên tòa, bà không yêu cầu bị cáo thanh toán số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) mà bà tự nguyện trả cho bị cáo. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSBL ngày 04/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Trương Ngọc H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Ngọc H theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- * Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Ngọc H từ 18 (Mười tám) đến 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- * Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Trương Ngọc H 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, mặt sau màu vàng, mặt trước có nhiều vết nứt, có số IMEI: 353282073977099, số MEID: 3532820397709, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

- * Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- * Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trương Ngọc H không có ý kiến tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên; Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Trương Ngọc H thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, đưa thông tin sai lệch để ông P tin rằng mảnh đất trên là của bị cáo, sau đó nhận số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) từ bị hại và chiếm đoạt số tiền này. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội ở địa phương.

"Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

Như vậy, hành vi của bị cáo Trương Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Trương Ngọc H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Trương Ngọc H là người có học thức, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo từng là nhân viên tín dụng tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Với vị trí công tác của mình, công việc và mức thu nhập ổn định nhưng bị cáo không giữ được bản lĩnh, ham muốn vật chất và lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của bị hại để chiếm đoạt tài sản của bị hại tạo dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh ở địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Khi hành vi bị phát hiện bị cáo không

hợp tác với cơ quan điều tra, bị cáo trình bày bị cáo bị hoảng loạn tâm lý nên không có mặt khi Cơ quan điều tra triệu tập. Tuy nhiên bị cáo không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc bị cáo có vấn đề về tâm lý và có vấn đề về sức khỏe.

Khi bị bắt tạm giam trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của bị hại: Yêu cầu bị cáo thanh toán số tiền phạt cọc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và các chi phí đi lại là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo và bị hại tự nguyện thỏa thuận về số tiền này, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Đối với vật chứng là: 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, mặt sau màu vàng, mặt trước có nhiều vết nứt, có số IMEI: 353282073977099, số MEID: 3532820397709; Điện thoại cũ, đã qua sử dụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo (Còn điện thoại mà bị cáo dùng để trao đổi mua bán đất với bị hại đã bị mất, không truy tìm được).

Toàn bộ vật chứng vụ án đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/8/2022.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

[7] Về kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Ngọc H 18 (Mười tám) tháng tù, thời gian thụ hình được tính từ ngày 01/6/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận, bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Trả lại cho bị cáo Trương Ngọc H: 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, mặt sau màu vàng, mặt trước có nhiều vết nứt, có số IMEI: 353282073977099, số MEID: 3532820397709; Điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng của vụ án đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/8/2022.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và $32.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.600.000 \text{ đồng}$ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, VKSND huyện;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Nhà tạm giữ;
- UBND thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔ THỊ THÙY NGÂN